TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 22, 23/05 - 27/05/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Nối dài đà tăng"

Thị trường chứng khoán toàn cầu trong tuần qua bứt phá mạnh mẽ. Thị trường chứng khoán Mỹ đã đảo chiều chấm dứt đà giảm liên tiếp trong 7 tuần. Biên bản từ cuộc họp mới nhất của FED cho thấy sự đồng thuần của tất cả các thành viên trong việc nâng lãi suất 50 điểm cơ bản cho thấy chính sách nhất quán của cơ quan quản lý góp phần giúp thị trường khởi sắc. Trong khi đó, thị trường chứng khoán châu Âu cũng ngập tràn sắc xanh khi chỉ số STOXX Europe 600 Index tăng 2.98%, chỉ số DAX của Đức tăng 3.44%. chỉ số CAC40 của Pháp tăng 3.67%. Tại Nhật Bản, chỉ số Nikkei 225 tăng 0.16% khi lợi tức trái phiếu 10 năm của Nhật Bản giảm sút. Tại Trung Quốc, thị trường chứng khoán của nước này tiếp tục suy giảm khi các nhà đầu tư lo ngại về tốc độ tăng trưởng chậm lại cùng với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, cụ thể, chỉ số CSI 300 giảm 1.9%.

Thị trường chứng khoán Việt Nam có tuần thứ hai liên tiếp phục hồi ấn tượng sau đà giảm dài. VNIndex khởi đầu tuần mới với sắc đỏ khi thị trường điều chỉnh, tuy nhiên 4 phiên tăng điểm liên tiếp trong đó có một phiên bùng nổ theo đà đã giúp VNIndex vượt qua kháng cự MA20. Kết tuần, chỉ số VN Index tăng 44.74 điểm chạm mốc 1285.78. Chỉ số HNX Index tăng 4.15 điểm lên mức 311.17 điểm, trong khi đó UPCOM tăng nhẹ 1.18 điểm chạm ngưỡng 95.29.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index kết thúc tuần qua với nến rút chân sau khi kiểm tra lại hỗ trợ ở khu vực 1.200 điểm. Khối lượng giao dịch đã có sự cải thiện so với tuần trước nhưng giá trị giao dịch trên thị trường tiếp tục giảm sút. Dòng tiền bắt đáy từ các nhà đầu tư cá nhân dần xuất hiện rõ nét hơn sau khi VN Index tạo đáy thành công. Tổ chức S&P nâng xếp hạng tín nhiệm dài hạn của Việt Nam lên mức BB+, triển vọng "ổn định" đã tác động tích cực lên thị trường.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,285	5.5	-5.0	-14.2	-13.9		13.8	2.2	219
Upcom Index	95	1.8	-6.0	-15.4	-16.7		15.2	1.7	54
HNX Index	311	3.5	-12.9	-29.3	-32.2		16.0	1.8	14
VN30 Index	1,336	6.4	-4.7	-12.5	-14.7		11.7	2.3	151
S&P 500 Index	4,158	4.6	-0.6	-5.2	-9.5		20.8	4.1	35,549
STOXX Europe 600 Index	444	1.7	-0.1	-2.1	-4.3		16.0	1.9	13,129
Hang Seng	20,697	1.1	3.8	-9.1	-14.0		7.4	0.7	2,785
Nikkei 225	26,782	-0.8	1.5	1.2	-6.9		19.0	1.7	3,612
SHCOMP Index	3,130	-0.5	5.8	-9.3	-12.2		12.6	1.4	6,257
STI Index	3,231	0.5	-2.7	-1.9	2.0		13.7	1.1	362
KOSPI Index	2,638	-0.4	0.0	-1.4	-10.2		11.3	1.0	1,596

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Giá trị giao dịch trên thị trường tiếp tục dưới ngưỡng trung bình 20 phiên giao dịch. Cụ thể, thanh khoản trung bình mỗi phiên đạt 12,922 tỷ giảm gần 3% so với trung bình tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, cả ba nhóm vốn hóa trong tuần qua đều ghi nhận sự tăng trưởng nhưng đà tăng đã yếu hơn tuần trước. Về giá trị giao dịch, nhóm Mid Cap có sự cải thiện về thanh khoản rõ rệt khi giá trị giao dịch tăng lên 7.8%. Ở chiều ngược lại, thanh khoản của nhóm Large Cap và Small Cap vẫn tiếp tục suy giảm.

Theo nhóm ngành, hầu hết các nhóm ngành đều có sự tăng trưởng trong tuần qua, đáng chú nhất là công nghệ thông tin khi giá trị vốn hóa của nhóm ngành này tăng tới 12.8%. Về giá trị giao dịch, thanh khoản của các nhóm ngành có diễn biến trái chiều. Nhóm dầu khi và hàng tiêu dùng có thanh khoản tăng mạnh trên 10%. Ở chiều ngược lại, nhóm ngành ngân hàng và y tế có giá trị giao dịch giảm sâu trên 20%. Nhóm ngành thủy sản có tuần giao dịch ấn tượng nhờ mức giá bán neo ở mức cao trên các thị trường chiến lược. Cổ phiếu của nhóm dầu khi cũng có sự phục hồi ấn tượng nhờ vào giá dầu trên thế giới tạo đỉnh cao nhất 2 tháng

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	1Thg	TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	TĐ	Định giá P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	3.4	-5.0	17.0	-7.2	-6.4	-31.2	72.8	-2.7	13.7	2.2	4,402,920
Mid Cap	3.6	-6.3	28.1	7.8	-3.2	-47.2	25.5	2.7	13.9	1.4	603,938
Small Cap	1.4	-6.7	26.0	-5.8	-23.9	-71.2	1.7	0.0	20.5	0.9	78,123

Theo ngành

Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	1Thg	TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Công nghệ Thông tin	12.3	7.1	112.9	6.8	-13.0	-29.8	1.9	0.2	21.5	3.5	117,041
Dịch vụ Tiêu dùng	6.0	-4.9	43.3	-3.5	-10.0	-36.6	4.4	0.0	n.a	4.8	266,574
Dầu khí	5.7	-8.5	-11.2	10.6	21.4	-35.8	1.7	0.2	26.9	2.3	65,131
Công nghiệp	5.2	-2.9	27.3	-3.3	-13.9	-47.7	12.4	0.1	15.6	1.3	269,869
Hàng Tiêu dùng	4.4	-4.8	-1.0	11.3	3.2	-32.9	11.1	1.5	17.1	2.8	616,041
Tiện ích Cộng đồng	3.9	-1.2	18.7	-8.5	-8.2	-36.7	2.1	-0.1	16.5	2.3	342,750
Ngân hàng	3.3	-6.7	17.3	-22.3	-18.4	-40.6	14.8	-3.5	10.3	1.8	1,555,088
Dược và Y tế	2.1	-5.8	6.1	-22.1	-31.6	-74.3	0.3	-0.1	16.2	2.2	34,950
Tài chính	2.0	-3.3	20.0	-3.9	-4.6	-34.3	32.1	0.0	19.3	2.1	1,387,011
Nguyên vật liệu	0.8	-12.7	24.9	5.0	4.7	-35.2	19.2	1.6	6.7	1.7	425,262

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, thị trường Thái Lan thu hút dòng tiền với 168 triệu đô la. Trong khi đó, thị trường Ấn Độ và Đài Loan bị rút ròng lần lượt là 631 và 440 triệu đô la. Tại thị trường Việt Nam, dòng vốn ngoại đảo chiều rút ròng 34 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, các quỹ ETF nước ngoài mua ròng 7.82 triệu đô la chủ yếu đến từ quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF khi mua 8.79 triệu đô la. Trong khi đó, quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF và quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF bán ròng lần lượt 4.42 và 2.33 triệu đô la. Các quỹ ETF trong nước đã mua ròng 4.7 triệu đô la. Cụ thể, quỹ DCVFMVN30 ETF FUND mua ròng 2.74 triệu đô la và quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF đã mua 1.96 triệu đô la.

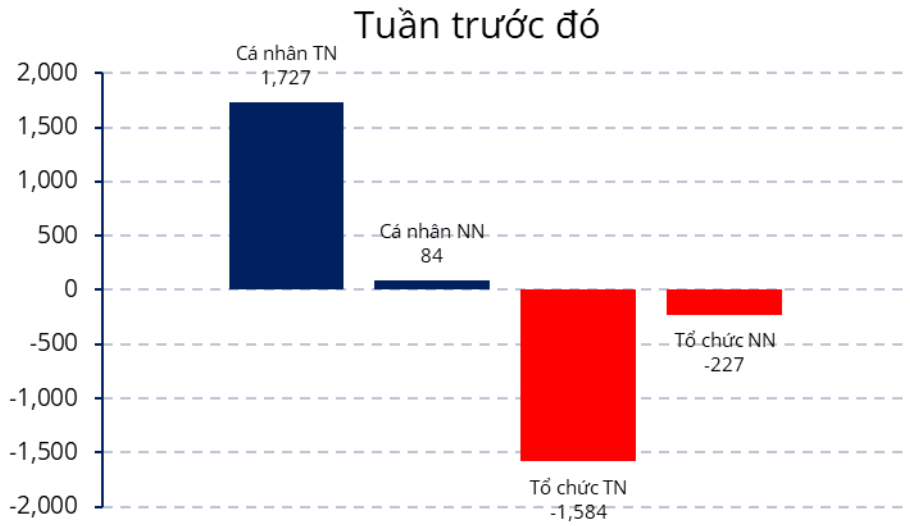
Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**2,937**	**7.82**	**48.90**	**-18.9**	**56.1**
Nước ngoài	**1,797**	**3.12**	**37.37**	**-3.4**	**113.8**
VanEck Vectors Vietnam ETF	412	-2.33	-5.65	-29.0	-0.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	518	8.79	81.29	101.8	354.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	403	-4.42	-17.76	-37.5	-30.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	286	1.08	-3.08	-20.8	-107.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	138	0.00	-16.96	-17.0	-105.9
Premia MSCI Vietnam ETF	24	0.00	-0.46	-1.0	-0.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,140**	**4.70**	**11.52**	**-15.5**	**-57.7**
DCVFMVN Diamond ETF	608	0.00	0.00	0.0	-100.4
DCVFMVN30 ETF Fund	359	2.74	6.53	-14.6	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	125	1.96	4.27	-3.8	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.72	2.9	33.0
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

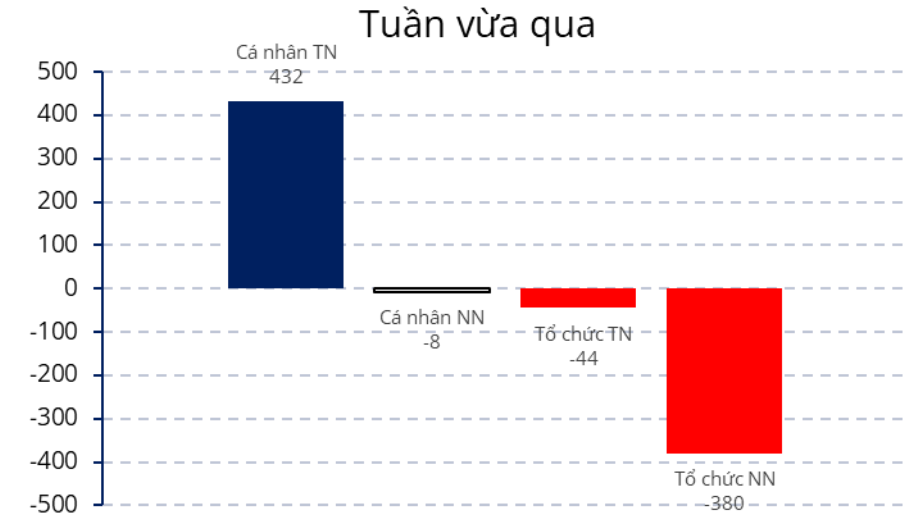
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-64,037	-116,788	-116,788
Ấn độ	-631	-4,561	-8,377	-21,905
Indonesia	17	-618	2,165	4,394
Nhật Bản	32	-2,000	27,604	10,122
Maylaysia	-35	-100	93	1,635
Philippines	-191	-350	-449	-568
Hàn Quốc	-390	-1,182	-6,145	-12,643
Sri Lanka	0	0	1	-9
Đài Loan	-440	-2,456	-11,557	-28,858
Thái Lan	168	282	603	3,973
Việt Nam	-34	-1	152	-155

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 388 tỷ. Ở chiều ngược lại, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 432 tỷ đồng. Trong khi đó, các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 44 tỷ đồng.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	ROS	Xây dựng và Vật liệu	3.50 - 17.10	3.9	-18.54%
2	HAI	Hóa chất	2.95 - 10.50	3.0	-15.92%
3	PXS	Xây dựng và Vật liệu	4.81 - 15.05	5.1	-13.90%
4	FLC	Bất động sản	5.76 - 24.10	6.0	-11.31%
5	PDN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77.20 - 122.50	102.2	-10.74%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
24.36%	50.8	23.00 - 51.00	Thực phẩm và đồ uống	ANV
22.94%	23.9	5.31 - 32.10	Thực phẩm và đồ uống	IDI
21.57%	131.9	24.00 - 175.00	Bán lẻ	FRT
20.88%	29.0	19.80 - 88.10	Y tế	VMD
17.97%	131.9	5.51 - 15.65	Bất động sản	LGL

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	PSC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.30 - 21.20	12.3	-18.00%
2	KDM	Xây dựng và Vật liệu	6.10 - 44.50	20.7	-16.87%
3	L43	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.60 - 8.90	4.6	-16.36%
4	BSC	Bán lẻ	13.80 - 26.80	18.5	-15.14%
5	CMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.80 - 41.20	14.7	-13.53%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.53%	23.6	7.80 - 25.00	Xây dựng và Vật liệu	SDU
23.29%	9.0	4.90 - 11.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MAC
20.53%	45.8	11.20 - 45.80	Truyền thông	HEV
19.44%	17.2	6.20 - 25.70	Xây dựng và Vật liệu	TTL
17.98%	10.5	7.30 - 15.10	Y tế	AMV

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SDJ	Xây dựng và Vật liệu	2.60 - 15.20	4.6	-28.13%
2	BSG	Du lịch và Giải trí	7.90 - 14.00	10.1	-27.86%
3	FRM	Tài nguyên Cơ bản	10.00 - 22.50	11.6	-27.04%
4	S12	Xây dựng và Vật liệu	0.50 - 3.60	2.5	-24.24%
5	STL	Bất động sản	0.90 - 5.10	2.3	-23.33%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
88.89%	11.9	6.00 - 41.20	Xây dựng và Vật liệu	E12
73.29%	27.9	14.00 - 27.90	#N/A	DSD
54.93%	33.0	18.00 - 35.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MA1
50.72%	20.8	13.20 - 29.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VQC
43.22%	16.9	11.10 - 19.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DAS

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	CVT	CMC JSC	Thực phẩm và đồ uống	188	400.7	43.2	36.20 - 52.80	-3.6
2	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,176	217.8	25.4	21.10 - 28.90	-0.6
3	CAV	Dây cáp điện Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66	162.0	56.0	54.00 - 64.00	-0.9
4	CHP	Thủy điện Miền Trung	Điện, nước & xăng dầu khí đố	1,298	143.3	23.8	16.90 - 26.10	-2.3
5	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	26,777	115.5	18.1	14.85 - 34.90	12.4
6	BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	Sản xuất	53,851	97.8	37.8	11.91 - 38.70	9.1
7	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	7,956	71.2	14.0	11.85 - 20.05	5.3
8	TMS	Transimex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3,104	67.7	93.1	37.39 - 124.90	3.6
9	THI	Thiết bị điện	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77	62.4	27.5	25.40 - 33.80	-1.1
10	BMP	Nhựa Bình Minh	Xây dựng và Vật liệu	2,477	56.2	59.3	49.20 - 65.70	8.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	101.69	-1.41	-1.22	5.26	6.30	
VND/USD	23,200	0.13	0.97	1.67	1.64	
KRW/USD	1,256.35	-0.93	-0.70	4.48	5.67	
JPY/USD	127.13	-0.59	-1.01	10.55	10.47	
EUR/USD	0.93	-1.61	-1.65	4.50	5.94	
SGD/USD	1.37	-0.75	-0.80	1.12	1.56	
CNY/USD	6.73	0.57	2.60	6.69	5.90	

Hàng hóa

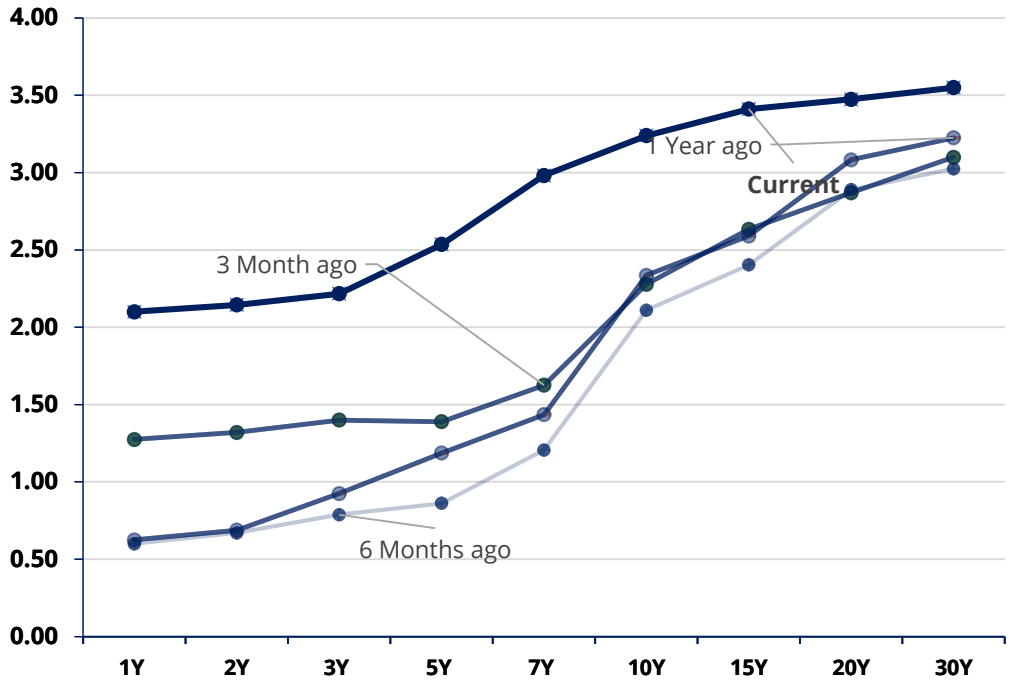
	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	114.14	0.80	11.88	24.62	51.76	
Xăng	388.12	1.15	12.30	42.31	74.16	
Gas	8.80	8.81	21.03	96.76	135.79	
Than	403.00	-2.21	24.00	68.90	137.62	
Vàng	1,857.99	0.62	-1.49	-2.67	1.57	
Bạc	22.19	1.90	-4.78	-9.25	-4.81	
Platinum	955.10	-0.22	3.79	-8.81	-1.41	
Quặng sắt	132.98	0.80	-12.56	-6.19	18.20	
Thép cán	4,811.00	-1.62	-6.11	-2.59	1.31	
Lúa mì	1,148.00	-1.78	6.30	36.18	48.95	
Ngô	766.50	-1.57	-6.01	16.22	29.20	
Gỗ	683.00	-1.09	-34.00	-47.96	-40.50	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.10	2.15	2.22	2.54	2.98	3.24	3.41	3.48	3.55
Thay đổi (BPS)	-10.00	-8.80	-3.30	0.60	0.10	-0.50	-2.30	0.50	1.00

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.